

BÀI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM HỌC
MÔN: TOÁN – Lớp 5 – ĐỀ SỐ 1

(Thời gian làm bài: 60 phút)

Bài 1. Viết vào ô trống cho thích hợp :

<i>Viết</i>	<i>Đọc</i>
.....	Bảy phần tám
$\frac{17}{38}$
.....	Ba mươi chín phần bốn mươi lăm
$\frac{10}{120}$
.....	Chín mươi một phần hai nghìn không trăm mười một

Bài 2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Trong số 987 654, chữ số 8 có giá trị là :

- A. 8000 B. 8 C. 8700 D. 80 000

 b) Phân số $\frac{3}{4}$ lớn hơn phân số :

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{9}{12}$ D. $\frac{7}{11}$

 c) Phép tính $\frac{5}{18} + \frac{7}{18}$ có kết quả là :

- A. $\frac{1}{9}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{2}{9}$ D. $\frac{11}{18}$

 d) Số thích hợp viết vào chỗ có dấu chấm của $45 \text{ m}^2 45 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ là :

- A. 4545 B. 454500 C. 450045 D. 45045

e) Chu vi hình vuông có diện tích 36 cm^2 là :

- A. 36 cm B. 18 cm C. 24 cm D. 12 cm

Bài 3. Tính :

a) $\frac{4}{9} + \frac{1}{3} =$

b) $\frac{7}{8} - \frac{1}{2} =$

c) $\frac{3}{5} \times \frac{4}{7} =$

d) $\frac{5}{12} : \frac{3}{8} =$

Bài 4. Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4 phút 40 giây.....240 giây

b) $11 \text{ m}^2 8 \text{ cm}^2$ 1108 cm^2

c) 21 tấn 4 kg 2104 kg

d) $15 \times 17 + 17 \times 15$ $15 \times (17 + 15)$

Bài 5. Tìm y, biết :

a) $y + \frac{1}{9} = \frac{1}{3}$

b) $\frac{12}{5} - y = 1$

c) $\frac{1}{7} + y = \frac{7}{8}$

.....

Bài 6. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Tính diện tích thửa ruộng đó.

Bài giải:

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN – LỚP 5
BÀI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM HỌC

Bài 1. (1 điểm)

- Đọc đúng mỗi số cho 0,2 điểm.
- Viết đúng mỗi số cho 0,2 điểm.

Bài 2. (1 điểm)

Khoanh đúng mỗi câu cho 0,2 điểm.

- a) D ; b) D ; c) B ; d) C. e) C.

Bài 3. (2 điểm)

Tính đúng mỗi bài cho 0,5 điểm.

- Kết quả : a) $\frac{7}{9}$; b) $\frac{3}{8}$ c) $\frac{12}{35}$; d) $\frac{10}{9}$

Bài 4. (1 điểm)

Điền đúng mỗi dấu ở mỗi câu cho 0,25 điểm.

Bài 5 (1,5 điểm)

Tìm y đúng mỗi bài cho 0,5 điểm.

- Kết quả : a) $y = \frac{2}{9}$; b) $y = \frac{7}{5}$; c) $y = \frac{41}{56}$

Bài 6. (1,5 điểm)

Chiều rộng của thửa ruộng đó là :	0,25đ
$120 \times \frac{3}{4} = 90 \text{ (m)}$	0,5đ
Diện tích thửa ruộng đó là :	0,25đ
$120 \times 90 = 10800 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25đ
<i>Đáp số: 10800 m².</i>	0,25đ

Bài 7. (2 điểm)

Vẽ đúng sơ đồ	0,5đ
Tổng số phần bằng nhau là : $4 + 5 = 9$ (phần)	0,25đ
Số thóc ở kho thứ nhất là :	0,25đ
$1665 : 9 \times 4 = 740$ (tấn)	0,25đ
Số thóc ở kho thứ hai là :	0,25đ
$1665 - 740 = 925$ (tấn)	0,25đ
Đáp số : Kho thứ nhất: 740 tấn; Kho thứ hai: 925 tấn.	0,25đ

Lưu ý: - Tổ chấm thống nhất biểu chấm chi tiết trên cơ sở bài chấm chung.

- Học sinh giải theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

- Điểm toàn bài quy tròn theo Thông tư 22.

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM
Môn: TOÁN LỚP 5 – ĐỀ SỐ 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không tính thời gian giao đề)

Bài 1: (2 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

 a) $5m^2 7dm^2 = \dots dm^2$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 57 B. 507 C. 570 D. 5007

 b) Phân số bằng phân số $\frac{7}{8}$ là:

- A.
- $\frac{14}{24}$
- B.
- $\frac{14}{15}$
- C.
- $\frac{20}{27}$
- D.
- $\frac{28}{32}$

 c) $\frac{1}{2}$ yến = ... kg. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

- A. 5 B. 50 C. 2 D. 20

d) Trong các số: 4352; 3405; 8424; 2730, số chia hết cho 9 là:

- A. 4352 B. 3405 C. 8424 D. 2730

Bài 2: (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) $(468 + 72) : 9 = 468 : 9 + 72 \times 9$

b) $592 \times (46 + 34) = 592 \times 46 + 592 \times 34$

Bài 3: (0,75 điểm) Điền dấu < ; > ; = vào chỗ chấm:

$\frac{8}{11} \dots \frac{8}{13}$

$\frac{7}{6} \dots \frac{6}{7}$

$\frac{4}{9} \dots \frac{5}{7}$

Bài 4: (2 điểm) Đặt tính rồi tính :

a) $67843 + 9859$

b) $1000000 - 66666$

c) 256×380

d) $23606 : 58$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: (1 điểm) Tính:

$$\frac{2}{3} - \left(\frac{1}{6} + \frac{3}{8} \right)$$

.....
.....
.....
.....

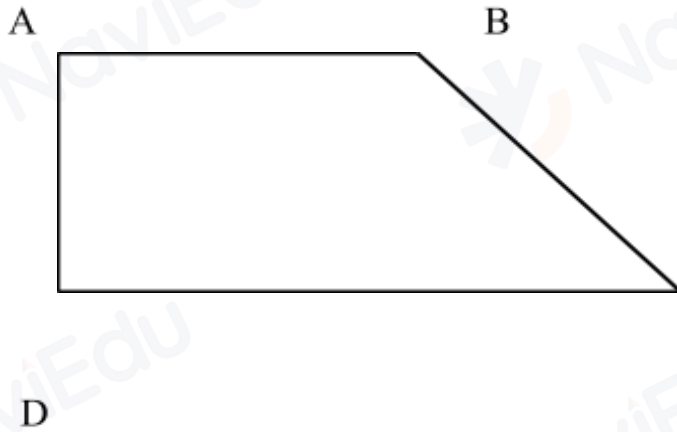
Bài 6: (2,25 điểm)

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Người ta cấy lúa ở đó, tính ra cứ 100m² thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng đó đã thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 7: (1 điểm) Quan sát hình sau, hãy chỉ ra:



- a) Các cặp cạnh song song với nhau là:
- b) Các cặp cạnh vuông góc với nhau là:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG MÔN TOÁN - LỚP 5

- 1/ Khoanh đúng mỗi câu được 0,5 điểm.
- 2/ Điền đúng Đ, S vào mỗi câu được 0,5 điểm.
- 3/ Mỗi bài điền dấu đúng được 0,25 điểm.
- 4/ Đặt tính và tính đúng mỗi bài được 0,5 điểm.
- 5/ Tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm.
- 6/ Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật: *0,25 điểm*
- $$120 \times \frac{2}{3} = 80 \text{ (m)} \quad \textit{0,25 điểm}$$
- Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật: *0,25 điểm*
- $$120 \times 80 = 9600 \text{ (m}^2\text{)} \quad \textit{0,25 điểm}$$
- Số tạ thóc thu hoạch được ở thửa ruộng đó là: *0,25 điểm*
- $$9600 : 100 \times 50 = 4800 \text{ (kg)} \quad \textit{0,5 điểm}$$
- $$\text{Đổi } 4800\text{kg} = 48 \text{ tạ} \quad \textit{0,25 điểm}$$
- Đáp số: 48 tạ *0,25 điểm*
- 7/ Các cặp cạnh song song với nhau là: AB và DC. *0,5 điểm*
- Các cặp cạnh vuông góc với nhau là: AB và AD; AD và DC. *0,5 điểm*

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM
Môn: Toán 5 – ĐỀ SỐ 3
Thời gian làm bài: 40 phút
I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng (4đ):
Câu 1. Chữ số 7 trong số 275468 chỉ:

- A. 7 B. 70 C. 7000 D. 70 000

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng $\frac{5}{7}$

- A. $\frac{15}{10}$ B. $\frac{15}{21}$ C. $\frac{12}{21}$

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{12}{18}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{3}{6}$ C. $\frac{2}{3}$

Câu 4. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là: $1\text{m}^2 25\text{cm}^2 = \dots\text{cm}^2$

- A. 125 B. 12500 C. 1025 D. 10 025

II. Bài tập: (6 điểm)
Câu 1. (3 điểm) Tính:

$$1/ \quad \frac{5}{6} + \frac{7}{12} =$$

.....

$$2/ \quad \frac{4}{9} - \frac{1}{6} =$$

$$3/ \quad \frac{3}{10} \times \frac{4}{9} =$$

Câu 2. (1 điểm) Tìm x: $x : \frac{11}{44} = 8$

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM

Lớp 5

1/ Trắc nghiệm: (3 điểm) Mỗi câu đúng 0,5 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
D	B	C	D

2/ Bài tập:

Câu 1: Mỗi bài đúng 1 điểm

a) $\frac{17}{12} \frac{17}{12}$

b) $\frac{5}{18} \frac{5}{18}$

c) $\frac{2}{15} \frac{2}{15}$

Câu 2: 1 điểm

$$x : \frac{1}{4} \frac{1}{4} = 8$$

$$x = 8 \times \frac{1}{4} \frac{1}{4}$$

$$x = 2$$

Câu 3: Mỗi lời giải và phép tính đúng được 1 điểm

Hai đội trồng được 1375 cây. Đội thứ nhất trồng nhiều hơn đội thứ hai 285 cây.
Hỏi mỗi đội trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

Đội thứ nhất trồng được số cây là:

$$(1375 + 285) : 2 = 830 \text{ (cây)}$$

Đội thứ hai trồng được số cây là:

$$830 - 285 = 545 \text{ (cây)}$$

Đáp số: Đội 1: 830 cây

Đội 2: 545 cây



ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM

Môn: Toán – ĐỀ SỐ 4

Thời gian: 40 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

* Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (1 điểm) Phân số $\frac{4}{5}$ bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{20}{16}$

B. $\frac{16}{20}$

C. $\frac{16}{15}$

Câu 2: (1 điểm) Phân số chỉ phần tô đậm trong hình vẽ dưới đây là:


A. $\frac{4}{3}$

B. $\frac{3}{4}$

C. $\frac{4}{7}$

Câu 3: (1 điểm) Giá trị của chữ số 4 trong số 640528 là:

A. 40000

B. 4000

C. 400

PHẦN II. TỰ LUẬN: (7 điểm)
Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $4637 + 8245$

b) $7035 - 2316$

c. $\frac{3}{5} \times \frac{5}{7} =$

d. $\frac{1}{3} : \frac{2}{5} =$

Câu 2: (2 điểm) Tìm X:

a) $X \times 21 = 357$

.....

.....

.....

.....

b) $X : 31 = 156$

.....

.....

.....

.....

Câu 3: (3 điểm) **Bài toán:**

Lớp 5A có 32 học sinh, số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nữ. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Bài làm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM MÔN TOÁN - KHỐI 5

PHẦN I. PHẦN TRẮC NGHIỆM 3 điểm

* Khoanh tròn đúng mỗi câu được 1 điểm.

Câu 1: B **Câu 2:** C **Câu 3:** A

PHẦN II. TỰ LUẬN 7 điểm

Câu 1: (2 điểm). Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

$$\begin{array}{r} \text{a) } 4637 \\ + \quad 8245 \\ \hline 12882 \end{array} \qquad \begin{array}{r} \text{b) } 7035 \\ - \quad 2316 \\ \hline 4719 \end{array}$$

c. $\frac{3}{5} \times \frac{5}{7} = \frac{3 \times 5}{5 \times 7} = \frac{15}{35} = \frac{3}{7}$.

d. $\frac{1}{3} : \frac{2}{5} = \frac{1}{3} \times \frac{5}{2} = \frac{1 \times 5}{3 \times 2} = \frac{5}{6}$

Câu 2: (2 điểm) Tính đúng mỗi phép tính

a) $X \times 21 = 357$

$$X = 357 : 21$$

$$X = 17$$

b) $X : 31 = 156$

$$X = 156 \times 31$$

$$X = 4836$$

Câu 3: (3 điểm)

Bài giải:

Tổng số phần bằng nhau: 0,25 điểm)

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần) (0,5 điểm)}$$

Số học sinh nam: (0,25 điểm)

$$32 : 8 \times 3 = 12 \text{ (học sinh) (0,75 điểm)}$$

Số học sinh nữ: (0,25 điểm)

$$32 - 12 = 20 \text{ (học sinh) (0,5 điểm)}$$

Đáp số: Học sinh nam: 12 (0,5 điểm)

Học sinh nữ: 20

ĐỀ SỐ 5
Bài 1 (1 điểm): Tính:

a, $\frac{1}{2} + \frac{5}{6} \times \frac{12}{15}$

b, $\frac{8}{3} - \frac{1}{2} : \frac{5}{6}$

c, $\frac{3}{4} \times \frac{24}{12} + \frac{4}{5} : \frac{12}{25} - \frac{1}{2}$

Bài 2 (2 điểm): Tìm X, biết:

a, $X + \frac{2}{15} = \frac{4}{3} \times \frac{2}{5}$

b, $X - \frac{2}{3} = \frac{8}{3} : \frac{16}{9}$

c, $X - \frac{4}{7} \times \frac{14}{12} = \frac{3}{5} : \frac{21}{10}$

Bài 3 (2 điểm): Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a, $\frac{2}{5}$ km =m

b, $\frac{6}{4}$ tấn = kg

c, 300 phút =giờ

d, 36kg 4dag = g

e, 900m² =dm²

f, 4 yên 8kg = ... kg

Bài 4 (2 điểm): Một cửa hàng bán hoa quả ngày đầu bán được 120kg hoa quả, ngày thứ hai bán được $\frac{1}{2}$ số lượng hoa quả ngày đầu, ngày thứ ba bán gấp đôi số lượng hoa quả ngày đầu. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam hoa quả?

Bài 5 (2 điểm):

a, Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 196m, chiều rộng kém chiều dài 16m. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó.

b, Hai hình vuông có tổng chu vi là 136m. Hiệu số đo hai cạnh hình vuông là 4m. Tính diện tích mỗi hình vuông đó

Bài 6 (1 điểm): Tính giá trị của biểu thức sau: $A = \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30}$

Đáp án đề thi khảo sát chất lượng đầu năm môn Toán lớp 5**Bài 1:**

a,
$$\frac{1}{2} + \frac{5}{6} \times \frac{12}{15} = \frac{7}{6}$$

b,
$$\frac{8}{3} - \frac{1}{2} : \frac{5}{6} = \frac{31}{15}$$

c,
$$\frac{3}{4} \times \frac{24}{12} + \frac{4}{5} : \frac{12}{25} - \frac{1}{2} = \frac{8}{3}$$

Bài 2:

a,
$$X + \frac{2}{15} = \frac{4}{3} \times \frac{2}{5}$$

$$X + \frac{2}{15} = \frac{8}{15}$$

$$X = \frac{8}{15} - \frac{2}{15}$$

$$X = \frac{2}{5}$$

b,
$$X - \frac{2}{3} = \frac{8}{3} : \frac{16}{9}$$

$$X - \frac{2}{3} = \frac{3}{2}$$

$$X = \frac{3}{2} + \frac{2}{3}$$

$$X = \frac{13}{6}$$

c,
$$X - \frac{4}{7} \times \frac{14}{12} = \frac{3}{5} : \frac{21}{10}$$

$$X - \frac{2}{3} = \frac{2}{7}$$

$$X = \frac{2}{7} + \frac{2}{3}$$

$$X = \frac{20}{21}$$

Bài 3:

a, $\frac{2}{5}$ km = 400m

b, $\frac{6}{4}$ tấn = 1500kg

c, 300 phút = 5 giờ

d, 36kg 4dag = 36040 g

e, $900\text{m}^2 = 90000\text{dm}^2$

f, 4 yến 8kg = 48kg

Bài 4:

Ngày thứ hai cửa hàng bán được số hoa quả là:

$$120 : 2 = 60(\text{kg})$$

Ngày thứ ba cửa hàng bán được số hoa quả là:

$$120 \times 2 = 240 (\text{kg})$$

Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số hoa quả là:

$$(120 + 60 + 240) : 3 = 140 (\text{kg})$$

Đáp số: 140kg

Bài 5:

a, Nửa chu vi của mảnh đất hình chữ nhật là:

$$196 : 2 = 98 (\text{m})$$

Chiều dài của mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(98 + 16) : 2 = 57 (\text{m})$$

Chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(98 - 16) : 2 = 41 (\text{m})$$

Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật là:

$$57 \times 41 = 2337 (\text{m}^2)$$

Đáp số: 2337m^2

b, Tổng độ dài cạnh của hai hình vuông là:

$$136 : 4 = 34 (\text{m})$$

Cạnh của hình vuông lớn là:



$$(34 + 4) : 2 = 19 \text{ (m)}$$

Cạnh của hình vuông nhỏ là:

$$19 - 4 = 15 \text{ (m)}$$

Diện tích hình vuông lớn là:

$$19 \times 19 = 361 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình vuông nhỏ là:

$$15 \times 15 = 225 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài 6:

$$A = \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30}$$

$$= \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{4.5} + \frac{1}{5.6}$$

$$= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6}$$

$$= 1 + \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{2}\right) + \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{3}\right) + \left(\frac{1}{4} - \frac{1}{4}\right) + \left(\frac{1}{5} - \frac{1}{5}\right) - \frac{1}{6} = 1 - \frac{1}{6} = \frac{5}{6}$$

ĐỀ SỐ 6

I. Phần trắc nghiệm (2 điểm): Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Nếu $X : 13 = 73$ thì X có giá trị bằng:

- A. 959 B. 949 C. 999 D. 909

Câu 2: Trên bản đồ tỉ lệ $1 : 100000$, quãng đường từ nhà bạn Lan đến trường đo được 2cm. Độ dài thật của quãng đường từ nhà Lan đến trường là:

- A. 2000dm B. 200m C. 20km D. 2km

Câu 3: Có 4 viên bi màu xanh 7 viên bi màu vàng. Phân số chỉ số viên bi màu xanh so với số viên bi màu vàng là:

- A. $\frac{7}{4}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{4}{4}$ D. $\frac{7}{7}$

Câu 4: Phân số có tử số bằng 2 và mẫu số bằng 5 được đọc là:

- A. Hai phần năm B. Năm phần hai
C. Hai năm phần D. Năm hai phần

Câu 5: Phân số nằm giữa 1 và 2 là phân số:

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{6}{2}$

II. Phần tự luận (8 điểm)

Bài 1 (1 điểm): Tính:

a, $\frac{2}{5} + \frac{16}{15} : \frac{8}{20}$

b, $\frac{3}{7} \times \frac{21}{15} - \frac{16}{40}$

Bài 2 (2 điểm): Tìm X , biết:

a, $X - \frac{2}{3} = \frac{7}{6}$

b, $X + \frac{3}{4} = \frac{15}{2}$

c, $2 - X = \frac{3}{4} \times \frac{16}{9}$

Bài 3 (2 điểm): Tổng của số thứ nhất và số thứ hai là 2479, tổng của số thứ hai và số thứ ba là 2521, tổng của số thứ nhất và số thứ ba là 2510. Tìm ba số đó

Bài 4 (2 điểm): Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 136m, biết chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng

a, Tính diện tích của thửa ruộng

b, Người ta trồng lúa trên thửa ruộng, cứ 3m^2 diện tích thì thu hoạch được 5kg thóc. Tính số ki-lô-gam thóc thu được

Bài 5 (1 điểm): Tính giá trị biểu thức một cách hợp lí:

$$97345 - 9205 \times 3 - 7 \times 9205$$

Đáp án đề thi khảo sát chất lượng đầu năm môn Toán lớp 5
I. Phần trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
B	D	B	A	C

II. Phần tự luận
Bài 1:

a, $\frac{2}{5} + \frac{16}{15} : \frac{8}{20} = \frac{46}{15}$

b, $\frac{3}{7} \times \frac{21}{15} - \frac{16}{40} = \frac{1}{5}$

Bài 2:

a, $X - \frac{2}{3} = \frac{7}{6}$

b, $X + \frac{3}{4} = \frac{15}{2}$

c, $2 - X = \frac{3}{4} \times \frac{16}{9}$

$$X = \frac{7}{6} + \frac{2}{3}$$

$$X = \frac{15}{2} - \frac{3}{4}$$

$$2 - X = \frac{4}{3}$$

$$X = \frac{11}{6}$$

$$X = \frac{27}{4}$$

$$X = 2 - \frac{4}{3}$$

$$X = \frac{2}{3}$$

Bài 3:

Tổng của ba số là:

$$(2479 + 2521 + 2510) : 2 = 3755$$

Số thứ ba là:

$$3755 - 2479 = 1276$$

Số thứ hai là:

$$2521 - 1276 = 1245$$

Số thứ nhất là:

$$2479 - 1245 = 1234$$

Đáp số: số thứ nhất: 1234, số thứ hai: 1245, số thứ ba: 1276

Bài 4:

a, Tổng số phần bằng nhau là:

$$5 + 3 = 8 \text{ (phần)}$$

Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$136 : 8 \times 5 = 85 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$136 - 85 = 51 \text{ (m)}$$

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$85 \times 51 = 4335 \text{ (m}^2\text{)}$$

b, Số ki-lô-gam thóc thu hoạch được trên thửa ruộng là:

$$4335 \times 5 : 3 = 7225 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a, 4335m^2 b, 7225kg thóc

Bài 5:

$$\begin{aligned} & 97345 - 9205 \times 3 - 7 \times 9205 \\ &= 97345 - (9205 \times 3 + 7 \times 9205) \\ &= 97345 - 9205 \times (3 + 7) \\ &= 97345 - 9205 \times 10 \\ &= 97345 - 92050 = 5295 \end{aligned}$$

ĐỀ SỐ 7

I. Phần trắc nghiệm (2 điểm): Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Giá trị của chữ số 5 trong số 489 592 là:

- A. 500 B. 500 000 C. 5000 D. 50

Câu 2: Số bé nhất trong các số 274 926 , 279 284, 273 934, 278 928 là:

- A. 273 934 B. 274 926 C. 279 284 D. 278 928

Câu 3: Số 90 704 có thể viết thành tổng các số tròn nghìn, tròn trăm và đơn vị là:

- A. $90000 + 700 + 4$ B. $9000 + 700 + 4$ C. $9000 + 7000 + 4$ D. $90000 + 7000 + 40$

Câu 4: : Trong các số 18391, 49183, 34883, 17373 số chia hết cho 3 là:

- A. 49183 B. 34883 C. 17373 D. 18391

Câu 5: Trong các phân số $\frac{1}{2}$, $\frac{4}{3}$, $\frac{5}{6}$, $\frac{8}{3}$ phân số bé hơn 1 là:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{4}{3}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{8}{3}$

II. Phần tự luận (8 điểm)**Bài 1** (2 điểm): Tính:

a, $\frac{2}{6} + \frac{5}{3}$

b, $\frac{7}{2} - \frac{1}{4}$

c, $\frac{3}{10} \times \frac{5}{6}$

d, $\frac{4}{7} : \frac{8}{14}$

Bài 2 (2 điểm): So sánh:

a, 2 phút 18 giây 140 giây

b, $6m^2 7cm^2$ $6000cm^2$

c, 3 tấn 5kg 3005kg

d, 5 giờ 15 phút ... 5 giờ 22 phút

Bài 3 (2 điểm): Tìm X, biết:

a, $X + \frac{1}{8} = \frac{1}{5}$

b, $\frac{7}{12} - X = \frac{1}{2}$

c, $X - \frac{4}{3} = \frac{5}{7}$

Bài 4 (2 điểm): Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 100m, chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài.

a, Tính diện tích của thửa ruộng đó

b, Biết rằng cứ $1m^2$ người nông dân thu hoạch được 6kg thóc. Hỏi trên thửa ruộng đó người ra thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Đáp án đề thi khảo sát chất lượng đầu năm môn Toán lớp 5
I. Phần trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
A	A	A	C	A

II. Phần tự luận
Bài 1:

$$a, \frac{2}{6} + \frac{5}{3} = 2 \quad b, \frac{7}{2} - \frac{1}{4} = \frac{13}{4} \quad c, \frac{3}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{1}{4} \quad d, \frac{4}{7} : \frac{8}{14} = 1$$

Bài 2:

$$a, 2 \text{ phút } 18 \text{ giây} < 140 \text{ giây}$$

$$b, 6\text{m}^2 7\text{cm}^2 > 6000\text{cm}^2$$

$$c, 3 \text{ tấn } 5\text{kg} = 3005\text{kg}$$

$$d, 5 \text{ giờ } 15 \text{ phút} < 5 \text{ giờ } 22 \text{ phút}$$

Bài 3:

$$a, X + \frac{1}{8} = \frac{1}{5}$$

$$b, \frac{7}{12} - X = \frac{1}{2}$$

$$c, X - \frac{4}{3} = \frac{5}{7}$$

$$X = \frac{1}{5} - \frac{1}{8}$$

$$X = \frac{7}{12} - \frac{1}{2}$$

$$X = \frac{5}{7} + \frac{4}{3}$$

$$X = \frac{3}{40}$$

$$X = \frac{1}{12}$$

$$X = \frac{43}{21}$$

Bài 4:

a, Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$100 \times 4 : 5 = 80 \text{ (m)}$$

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$100 \times 80 = 8000 \text{ (m}^2\text{)}$$

b, Số ki-lô-gam thóc thu hoạch được trên thửa ruộng là:

$$6 \times 8000 = 48000 \text{ (kg)}$$

$$\text{Đổi } 48000\text{kg} = 480 \text{ tạ}$$

Đáp số: a, 8000m² b, 480 tạ thóc